

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 19 tháng 7 năm 2024  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thị Mỹ Hằng**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Trường Hận** và ông **Phan Thành Trung**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Đặng Phương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Tố Như** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **P K K**, sinh năm 1988. (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông **N K**, sinh năm 1989. (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Vĩnh Trạch, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà P K K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N K tự nguyện sống chung vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch thành phố Bạc Liêu ngày 11/6/2020. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, thời gian gần đây thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không phù hợp trong cách sống và tính cách, ông N K thường hay lấy chuyện quá khứ cải vả vô cớ, ... bà đã nhiều lần bỏ qua cho ông K1 nhưng ông K1 vẫn không thay đổi. Hiện nay bà và ông N K đã sống ly thân, bà đã về nhà cha mẹ ruột của bà sống còn ông N K thì sống tại nhà của cha mẹ ông K1. Vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình động viên, hàn gắn nhưng vẫn không hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Bà và ông K1 không còn khả năng hàn gắn, đã sống ly thân, do đó bà cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông K1.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông K1 có 01 con chung tên N P H G, sinh ngày 15/8/2022 (Hiện cháu Gia đang sống chung với ông K1). Ngoài ra ông bà không còn con chung nào khác. Nay ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N P H G, sinh ngày 15/8/2022.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn ông N K có ý kiến trình bày tại biên bản xác minh:

Về hôn nhân: Ông không muốn ly hôn với P K K và muốn hàn gắn lại để cho con chung có cả cha và lẫn mẹ.

Về con chung: Ông và P K K có 01 con chung tên N P H G, sinh ngày 15/8/2022. Nếu P K K có yêu cầu nuôi dưỡng thì ông sẽ nhường quyền nuôi con cho P K K.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông không trợ cấp cho P K K nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa P K K và ông K1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P K K đối với ông N K, cho P K K được ly hôn với ông K1.

Về con chung: Giao con chung tên N P H G, sinh ngày 15/8/2022 cho bà P K K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông N K có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: P K K phải chịu toàn bộ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: P K K khởi kiện yêu cầu ly hôn và yêu cầu trực tiếp nuôi con, đối với bị đơn là ông K1. Ông K1 có địa chỉ cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, đây là tr7anh chấp ly hôn, nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] P K K có đơn xin xét xử vắng mặt; ông K1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ khoản 1, 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1.1] P K K và ông K1 tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau, được hai bên đương sự thừa nhận, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch vào ngày 11/6/2024 nên hôn nhân giữa P K K và ông K1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3.1.2] P K K xác định, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đã được hai bên gia đình hàn gắn nhưng vẫn không thành, vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình động viên hàn gắn những vẫn không thành, đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà đã không còn tình cảm với ông K1 và không thể hàn gắn được với ông K1 nên cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông K1.

[3.1.3] Còn phía ông K1 không muốn ly hôn với P K K và muốn hàn gắn lại để cho con chung có cả cha và lẫn mẹ.

[3.1.4] Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân phải xây dựng trên nền tảng tình cảm và tình cảm phải xuất phát từ cả hai phía; vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Mặt khác hôn nhân được duy trì bền vững lâu dài và hạnh phúc là trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên. Bản thân ông K1 không đồng ý ly hôn yê nhưng không đưa ra phương án hàn gắn cụ thể, hợp lý. P K K xác định không thể tiếp tục chung sống, không chấp nhận hàn gắn với ông K1 và không còn tình cảm với ông K1 nên cương quyết yêu cầu được ly hôn, chứng tỏ sự rạn nứt trong quan hệ hôn nhân của cả hai không có khả năng hàn gắn lại được, quan hệ hôn nhân giữa P K K và ông K1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn thế nữa, việc hàn gắn đoàn tụ phải trên cơ sở tự nguyện phải xuất phát từ cả hai phía. Từ phân tích trên, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của P K K đối với ông K1, cho P K K được ly hôn với ông K1.

[3.2] Về con chung: P K K và ông K1 có một con chung tên N P H G, sinh ngày 15/8/2022 (hiện cháu Gia đang ở chung với ông K1). Ngoài ra không còn con chung nào khác.

[3.2.1] Quá trình giải quyết vụ án P K K có yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Ông K1 cũng có ý kiến trường hợp ly hôn thì ông đồng ý nhường quyền nuôi con cho P K K trực tiếp nuôi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của P K K và ông K1, không

trái đạo đức xã hội, quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của P K K, giao con chung tên N P H G, sinh ngày 15/8/2022 cho bà P K K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông N K có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

[3.2.2] Về cấp dưỡng nuôi con: P K K và ông K1 thống nhất xác định tự thỏa thuận, không cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: P K K và ông K1 thống nhất xác định không có, không cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: P K K và ông K1 thống nhất xác định không có, không cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: P K K yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng.

[5] Chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 51, Khoản 1 Điều 53, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

#### **Tuyên xử:**

##### **1. Về hôn nhân:**

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P K K đối với ông N K. Cho bà P K K ly hôn với ông N K.

##### **2. Về con chung:**

Bà P K K và ông N K có 01 con chung tên N P H G, sinh ngày 15/8/2022 (Hiện cháu Gia đang sống chung với ông K1).

Giao con chung tên N P H G, sinh ngày 15/8/2022 cho bà P K K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông N K có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình:

Bà P K K phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà P K K đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên

lai thu số 0002546 ngày 04/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**  
-TAND tỉnh Bạc Liêu;  
-VKSND thành Tp. Bạc Liêu;  
-CCTHADS Tp. Bạc Liêu;  
-Đương sự;  
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thị Mỹ Hằng**